TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:**733**/2023/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 08 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107 và điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1062/2023/TLST-VHNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà: Thái Thanh L, Sinh năm: 1996

Địa chỉ thường trú: Ấp Thứ Vải A, xã T1, huyện Ph, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ tạm trú: 148/2/61, khu phố 7, phường T2, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. **Ông: Lê Hoàng S,** Sinh năm: 1994

Địa chỉ thường trú: Ấp Lung Vinh, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, ông Lê Hoàng S và bà Thái Thanh L cùng nộp đơn yêu cầu "công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung". Quá trình vận động hòa giải, ông S và bà L thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 28 tháng 4 năm 2023. Ông S cư trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau còn bà L hiện đang cư trú tại ph

phường T2, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai; ông bà có văn bản chọn Toà án nhân dân thành phố B là nơi giải quyết ly hôn; ông S và bà L đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của ông S và bà L được Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Lê Hoàng S và bà Thái Thanh L chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Ph, tỉnh Cà Mau, và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2016, ngày 29 tháng 04 năm 2016. Ông S và bà L có 01 con chung là: Lê Thái Hằng N, sinh ngày 16/11/2017. Ông S và bà L đã thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con như sau: Bà L là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tạm thời ông Sơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông S và bà L tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông S và bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông S và bà L thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông S và bà L xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy, ông S và bà L thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của ông bà đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông S và bà L.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Lê Hoàng S và bà Thái Thanh L.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thái Hằng N, sinh ngày 16/11/2017 cho bà Thái Thanh L. Tạm thời ông Lê Hoàng S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông S vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên,

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Hoàng S và bà Thái Thanh L mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mơi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 0007453 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B. Ông S và bà L đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thành Thị Thu Trang